

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
SẢN PHẨM BẢO AN PHÚC
Toàn gia an phúc, sung túc tương lai

• **Bảo vệ trọn đời**

Bảo vệ nguồn tài chính của gia đình trọn đời trước những rủi ro trong cuộc sống.

• **Tiết kiệm hiệu quả**

Với Bảo An Phúc, kế hoạch tiết kiệm của Quý khách hàng được thực hiện một cách ổn định, lâu dài và hiệu quả.

• **Đầu tư an toàn**

Giá trị tài khoản của Quý khách hàng sẽ được hưởng lãi suất như một khoản đầu tư, Sun Life Việt Nam cam kết mức lãi suất tích lũy tối thiểu cho khoản đầu tư này.

• **Điều chỉnh linh hoạt**

Chủ động tối đa trong kế hoạch tài chính của Quý khách hàng với những tính năng linh hoạt của sản phẩm.

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN MINH

Tuổi: 30

Giới tính: Nam

CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ liên hệ:

Người lập: Nguyễn Ngọc Thúy

Mã số: v493

Ngày lập: 27/08/2018

Lựa chọn quyền lợi bảo hiểm: Cơ bản

Chi nhánh: HCM

Điện thoại: 999999999

Địa chỉ Email: TEST@SUNLIFE.COM.VN



Người được bảo hiểm (NĐBH)	Tuổi - Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Sản phẩm bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm (Đồng)	Thời hạn bảo hiểm (Năm)	Thời hạn đóng phí ⁽¹⁾ (Năm)	Phí bảo hiểm năm (Đồng)
Nguyen Minh	30 - Nam	1	Bảo An Phúc	1.000.000.000	70	15	50.000.000

Phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí (Đồng)	Quý	Nửa năm	Năm
Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính	12.500.000	25.000.000	50.000.000
Tổng phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung năm đầu ⁽²⁾	0	0	0
Tổng Phí bảo hiểm năm đầu ⁽³⁾	<input type="radio"/> 12.500.000	<input type="radio"/> 25.000.000	<input checked="" type="radio"/> 50.000.000

Ghi chú:

- (1) Thời hạn đóng phí minh họa trên đây là Thời hạn đóng phí dự kiến, Quý khách có thể đóng phí với thời hạn dài hơn hoặc ngắn hơn, tùy thuộc vào nhu cầu tiết kiệm và bảo vệ của mình.
- (2) Tổng phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung các năm tiếp theo có thể khác năm đầu nếu Quý khách tham gia thêm (các) sản phẩm bổ sung, tùy thuộc vào nhu cầu bảo vệ của mình hoặc do (các) sản phẩm bổ sung chấm dứt hiệu lực.
- (3) Tổng Phí bảo hiểm năm đầu bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản của Sản phẩm chính và phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có). Tùy thuộc vào nhu cầu tiết kiệm của mình, Quý khách có thể đóng thêm Phí bảo hiểm đóng thêm để gia tăng Giá trị tài khoản.

1. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro:

- Quyền lợi bảo hiểm tử vong: được chi trả trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong.
- Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn: được chi trả trong trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước 65 tuổi.

2. Quyền lợi đầu tư:

Bên mua bảo hiểm sẽ được hưởng lãi hàng tháng trên Giá trị tài khoản theo lãi suất tích lũy do Công ty công bố. Tiền lãi sẽ được cộng dồn vào Giá trị tài khoản.

Lãi suất tích lũy đầu tư có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn lãi suất tích lũy bảo đảm là 5%/năm cho 5 Năm hợp đồng đầu tiên và 3%/năm cho những Năm hợp đồng tiếp theo.

3. Các quyền lợi khác:

- Quyền lợi đáo hạn: được chi trả trong trường hợp Hợp đồng còn hiệu lực và Người được bảo hiểm còn sống vào Ngày đáo hạn.
- Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng: được chi trả sau mỗi 3 Năm hợp đồng, bắt đầu từ Năm hợp đồng thứ 3 đến Năm hợp đồng thứ 21, với điều kiện Phí bảo hiểm cơ bản cộng dồn được đóng đủ. Thưởng duy trì được tính bằng % của Giá trị tài khoản trung bình của 36 tháng trước.

Năm hợp đồng	3	6	9	12	15	18	21
Thưởng duy trì hợp đồng (% Giá trị tài khoản trung bình của 36 tháng trước)	5%	5%	5%	8%	8%	8%	8%

- Quyền lợi tạm ứng từ Giá trị tài khoản.
- Quyền lợi rút tiền từ Giá trị tài khoản.

TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

1. Chi phí ban đầu

Chi phí ban đầu được khấu trừ từ Phí bảo hiểm trước khi phân bổ vào Tài khoản. Chi phí này thay đổi theo Năm hợp đồng và được tính theo tỷ lệ % của Phí bảo hiểm. Chi phí ban đầu áp dụng cho Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm, lần lượt theo tỷ lệ sau:

Năm	1	2	3	4	5	6 +
Phí bảo hiểm cơ bản	55%	45%	30%	15%	10%	3%
Phí bảo hiểm đóng thêm	8%	7%	6%	5%	4%	3%

2. Chi phí bảo hiểm rủi ro

Chi phí bảo hiểm rủi ro được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản để chi trả Quyền lợi bảo hiểm của hợp đồng, thay đổi theo Tuổi và Giới tính của Người được bảo hiểm

3. Chi phí quản lý hợp đồng

Chi phí quản lý hợp đồng được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản để chi trả các chi phí liên quan đến việc quản lý và duy trì hợp đồng. Chi phí quản lý hợp đồng hiện tại là 30.000 đồng/tháng.

4. Chi phí quản lý quỹ

Chi phí quản lý quỹ hiện tại là 2%/năm và sẽ được khấu trừ từ tỷ suất đầu tư của Quỹ Liên kết chung trước khi công bố lãi suất tích lũy.

Chi phí quản lý quỹ được sử dụng để trang trải chi phí quản lý quỹ liên kết chung.

5. Chi phí hủy bỏ hợp đồng

Chi phí hủy bỏ hợp đồng được áp dụng khi Bên mua bảo hiểm yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng. Chi phí hủy bỏ hợp đồng được tính trên tỷ lệ % của Phí bảo hiểm cơ bản như sau:

Năm	1 - 5	6	7	8	9	10 +
% Phí bảo hiểm cơ bản	100%	90%	70%	50%	30%	0%

6. Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản

Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm quyết định rút tiền từ Giá trị tài khoản, Bên mua bảo hiểm sẽ phải chịu một khoản phí trong 9 năm đầu tiên.

Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản được tính dựa trên Tỷ lệ Chi phí hủy hợp đồng.

Lưu ý: Các chi phí nêu trên không được bảo đảm và có thể thay đổi theo phê duyệt của Bộ Tài chính

BẢNG MINH HỌA

Số tiền bảo hiểm: (1) 1.000.000.000 đồng

Quyền lợi bảo hiểm tử vong /Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV): là giá trị cao hơn của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm (2)	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Giá trị minh họa trên Lãi suất tích lũy đảm bảo ⁽⁴⁾				Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy 6.5%/năm ⁽⁵⁾				Số tiền rút từ giá trị tài khoản (6)
				Thưởng duy trì hợp đồng	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại ⁽³⁾	QLBH Tử vong /TTTBVV	Thưởng duy trì hợp đồng	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại ⁽³⁾	QLBH Tử vong /TTTBVV	
1	30	50.000	22.500		21.307	-	1.000.000		21.627	-	1.000.000	
2	31	50.000	27.500		48.973	-	1.000.000		50.029	29	1.000.000	
3	32	50.000	35.000	2.586	88.527	38.527	1.000.000	2.627	90.938	40.938	1.000.000	
4	33	50.000	42.500		135.410	85.410	1.000.000		139.934	89.934	1.000.000	
5	34	50.000	45.000		187.326	137.326	1.000.000		194.845	144.845	1.000.000	
6	35	50.000	48.500	9.236	250.075	205.075	1.000.000	9.581	266.670	221.670	1.000.000	
7	36	50.000	48.500		305.506	270.506	1.000.000		333.646	298.646	1.000.000	
8	37	50.000	48.500		362.622	337.622	1.000.000		405.034	380.034	1.000.000	
9	38	50.000	48.500	17.917	439.404	424.404	1.000.000	19.694	500.843	485.843	1.000.000	
10	39	50.000	48.500		500.668	500.668	1.000.000		583.357	583.357	1.000.000	
11	40	50.000	48.500		563.842	563.842	1.000.000		671.402	671.402	1.000.000	
12	41	50.000	48.500	44.509	673.522	673.522	1.000.000	52.124	817.519	817.519	1.000.000	
13	42	50.000	48.500		742.295	742.295	1.000.000		921.516	921.516	1.000.000	
14	43	50.000	48.500		813.330	813.330	1.000.000		1.032.657	1.032.657	1.032.657	
15	44	50.000	48.500	64.139	950.890	950.890	1.000.000	80.060	1.231.119	1.231.119	1.231.119	
16	45				978.874	978.874	1.000.000		1.310.769	1.310.769	1.310.769	
17	46				1.007.828	1.007.828	1.007.828		1.395.597	1.395.597	1.395.597	
18	47				1.037.697	1.037.697	1.037.697		1.485.938	1.485.938	1.485.938	
19	48				1.068.462	1.068.462	1.068.462		1.582.152	1.582.152	1.582.152	
20	49				1.100.150	1.100.150	1.100.150		1.684.619	1.684.619	1.684.619	
21	50				1.132.789	1.132.789	1.132.789		1.793.747	1.793.747	1.793.747	
26	55				1.311.271	1.311.271	1.311.271		2.455.467	2.455.467	2.455.467	
31	60				1.518.180	1.518.180	1.518.180		3.362.082	3.362.082	3.362.082	
36	65				1.758.044	1.758.044	1.758.044		4.604.222	4.604.222	4.604.222	
41	70				2.036.113	2.036.113	2.036.113		6.306.062	6.306.062	6.306.062	
46	75				2.358.471	2.358.471	2.358.471		8.637.730	8.637.730	8.637.730	
51	80				2.732.172	2.732.172	2.732.172		11.832.318	11.832.318	11.832.318	

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ SUN LIFE VIỆT NAM

Website: www.sunlife.com.vn / Email: contact@sunlife.com.vn / Hotline: 1800 1786

Phiên bản: 201801

27/08/2018 15:14:42

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm (2)	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Giá trị minh họa trên Lãi suất tích lũy đảm bảo ⁽⁴⁾				Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy 6.5%/năm ⁽⁵⁾				Số tiền rút từ giá trị tài khoản (6)
				Thưởng duy trì hợp đồng	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại ⁽³⁾	QLBH Từ vong /TTTBVV	Thưởng duy trì hợp đồng	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại ⁽³⁾	QLBH Từ vong /TTTBVV	
56	85				3.165.394	3.165.394	3.165.394		16.209.179	16.209.179	16.209.179	
61	90				3.667.617	3.667.617	3.667.617		22.205.859	22.205.859	22.205.859	
66	95				4.249.831	4.249.831	4.249.831		30.421.831	30.421.831	30.421.831	
70	99				4.781.692	4.781.692	4.781.692		39.135.020	39.135.020	39.135.020	

Ghi chú:

- Việc rút tiền có thể sẽ làm thay đổi Số tiền bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm tử vong/Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV)
- Tổng Phí bảo hiểm bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) và Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có). Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có) được minh họa theo Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính. Theo đó, nếu Thời hạn đóng phí của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có) dài hơn Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính, Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung sẽ được tự động khấu trừ từ Giá trị tài khoản cho đến khi kết thúc Thời hạn đóng phí của (các) sản phẩm bổ sung hoặc đến khi Giá trị tài khoản bằng 0.
- Giá trị hoàn lại là số tiền Quý khách sẽ nhận được nếu yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Giá trị này được xác định bằng Giá trị tài khoản trừ đi Chi phí hủy hợp đồng.
- Lãi suất tích lũy đảm bảo là 5%/năm cho 5 Năm hợp đồng đầu tiên và 3%/năm cho các Năm hợp đồng tiếp theo.
- Lãi suất tích lũy minh họa không vượt quá trung bình các mức lãi suất tích lũy của sản phẩm được Sun Life Việt Nam công bố trong 60 tháng gần nhất.
- Số tiền đang được minh họa là số tiền rút ra từ giá trị tài khoản có bao gồm chí phí rút tiền
 - Hợp đồng mất hiệu lực khi Giá trị tài khoản thấp hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.

BẢNG TÓM TẮT CHI PHÍ

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Chi phí ban đầu	Chi phí quản lý hợp đồng	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính*	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bổ sung
1	30	27.500	360	1.897	-
2	31	22.500	360	1.855	-
3	32	15.000	360	1.812	-
4	33	7.500	360	1.751	-
5	34	5.000	360	1.690	-
6	35	1.500	360	1.669	-
7	36	1.500	360	1.634	-
8	37	1.500	360	1.612	-
9	38	1.500	360	1.577	-
10	39	1.500	360	1.483	-
11	40	1.500	360	1.412	-
12	41	1.500	360	1.311	-
13	42	1.500	360	1.005	-
14	43	1.500	360	810	-
15	44	1.500	360	559	-
16	45	-	360	174	-
17	46	-	360	45	-
18	47	-	360	-	-
19	48	-	360	-	-
20	49	-	360	-	-
21	50	-	360	-	-
26	55	-	360	-	-
31	60	-	360	-	-
36	65	-	360	-	-
41	70	-	360	-	-
46	75	-	360	-	-
51	80	-	360	-	-
56	85	-	360	-	-
61	90	-	360	-	-
66	95	-	360	-	-
70	99	-	360	-	-

*Dựa trên mức lãi suất tích lũy đảm bảo

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tôi, **Bên mua bảo hiểm**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi Hợp đồng bảo hiểm này (Bảng minh họa quyền lợi này), cam kết rằng đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với những nội dung đề cập sau đây:

1. Tôi được Tư vấn tài chính của Sun Life Việt Nam giải thích rõ về Bảng minh họa quyền lợi này, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, các loại phí, chi phí và phương thức phân bổ, khấu trừ phí, chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ liên kết chung và các sản phẩm bổ sung (nếu có).
2. Bảng minh họa quyền lợi này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản và Giá trị hoàn lại của Hợp đồng bảo hiểm.
3. Giá trị tài khoản thực tế của Hợp đồng bảo hiểm tùy thuộc vào mức lãi suất tích lũy thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và có thể cao hơn hoặc thấp hơn Giá trị tài khoản được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi này.
4. Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi Giá trị tài khoản nhỏ hơn các khoản khấu trừ hàng tháng và các khoản nợ (nếu có).
5. Phí bảo hiểm được đóng theo các phương thức được quy định bởi Công ty tại từng thời điểm. Trong trường hợp được sự chấp thuận của Bộ Tài chính, Công ty có thể thay đổi mức phí của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung. Tuy nhiên, mức phí mới chỉ được áp dụng vào Ngày kỉ niệm hợp đồng và Công ty sẽ thông báo trước 03 (ba) tháng cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản.
6. Bảng minh họa quyền lợi này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và không được xem như là Hợp đồng bảo hiểm hay đề nghị giao kết hợp đồng.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Bên mua bảo hiểm (viết bằng chữ thường)]

Tôi, **Tư vấn Tài chính**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi này, cam kết rằng đã phân tích nhu cầu tài chính, tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp và giải thích Bảng minh họa quyền lợi này với Bên mua bảo hiểm nêu trên một cách đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và trung thực. Tôi xác nhận chữ ký trên đây được ký trước sự chứng kiến của tôi và theo sự hiểu biết của tôi đó là chữ ký của Bên mua bảo hiểm của Bảng minh họa quyền lợi này.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Tư vấn tài chính (viết bằng chữ thường)]